TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NT** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2019/HS-ST
Ngày: 16/01/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NT, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Tuấn Anh**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Ngô Tiến Thành**
Bà **Nguyễn Thị Lý**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Kiều Diễm -** Thư ký Tòa án nhân dân thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Long -** Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 415/2018/TLST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 356/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Nhật V *(N)*** sinh ngày 22 tháng 8 năm 1981 tại thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa; nơi cư trú: Số 32 H, phường L, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa nghề nghiệp: quản lý massage; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức D (chết) và bà Trần Thị L (sinh năm 1951); tiền án: không, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 14/4/2016; bị tạm giam từ ngày 20/4/2016; được hủy bỏ biện pháp tạm giam, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 31/5/2016; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. **Nguyễn Thị T** sinh ngày 20 tháng 5 năm 1981 tại thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa; nơi cư trú: Số 26KC C, phường V, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: quản lý massage; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (chết) và bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1938); có 01 con sinh năm 2000; tiền án: không, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 14/4/2016; bị tạm giam từ ngày 20/4/2016; được hủy bỏ biện pháp tạm giam, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 31/5/2016; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà **Nguyễn Thụy Giang C** ***(Q)*** sinh năm 1972; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 32 H, phường L, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở hiện nay: Số 15 Đ, Khu AT, phường V, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

2. Chị **Phan Thị Yến L** sinh ngày 17/7/1992; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấ, xã T, huyện C, tỉnh B; chỗ ở hiện nay: Số 22 N, phường L, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

3. Chị **Nguyễn Thị T** ***(Nguyễn Thanh X)*** sinh ngày 10/10/1990; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ 16, xã E, huyện E, tỉnh Đăk Lăk; chỗ ở hiện nay: Số 17B H, phường L, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

4. Chị **Nguyễn Thị Thiên T** ***(D)*** sinh ngày 01/12/1997; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp TB, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở hiện nay: Số 17 H, phường L, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

5. Chị **Nguyễn Thị Thu T** sinh ngày 31/01/1991; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 141/2B H, phường 2, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; chỗ ở hiện nay: Số 62 Bis H, phường V, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

6. Chị **Nguyễn Thị C** ***(Q)*** sinh ngày 24/8/1997; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp 5, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang; chỗ ở hiện nay: Số 62 Bis H, phường V, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

7. Chị **Nguyễn Thị B** ***(K)*** sinh ngày 11/12/1982; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ dân phố H 2, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở hiện nay: Số 90 Đ, phường P, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

8. Chị **Nguyễn Thị N** ***(K)*** sinh ngày 16/7/1994; nơi cư trú: Tổ 6 xóm Đ, P, phường P, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa (Hẻm 90 Đ, phường P, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa); vắng mặt.

9. Chị **Nguyễn Thị L** ***(T)*** sinh ngày 20/10/1992; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông; chỗ ở hiện nay: Số 17B H, phường L, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

10. Chị **Nguyễn Thị Huyền T** ***(H)*** sinh ngày 31/12/1990; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp P, xã Phước L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; chỗ ở hiện nay: 17B H, phường L, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

11. Chị **Phan Ngọc N** ***(A)*** sinh ngày 18/4/1998; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Xã T, huyện T, thành phố C, tỉnh Cần Thơ; chỗ ở hiện nay: Số 62 Bis H, phường V, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

12. Anh **Lê Trung C** sinh ngày 03/6/1991; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ dân phố L, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở hiện nay: Số 143A Khu M, phường P, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

13. **Công ty cổ phần du lịch thươngmại NT**; địa chỉ trụ sở Ch: Số 80 T, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa (do ông **Trương Đức Q** - Giám đốc Công ty làm đại diện theo pháp luật); vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh **Phạm Thế N** sinh ngày 17/7/1988; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Đội 4, thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở hiện nay: Số 17/100 D, phường V, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

2. Anh **Võ Minh H** sinh ngày 01/8/1988; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở hiện nay: Hẻm đường Đ, phường V, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

3. Anh **Võ Chí T** sinh năm 1981; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 48B C, phường X, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở hiện nay: Số 133 L, phường V, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

4. Anh **Lý Sơn T** sinh ngày 29/02/1988; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 08 T, thị trấn L, huyện Đ, Lâm Đồng; chỗ ở hiện nay: Số 188/16/3D T, phường L, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

5. Bà **Nguyễn Thị Kim H *(B)*** sinh ngày 04/5/1970; nơi cư trú: Thôn P, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

6. Anh **Nguyễn Trung K** sinh ngày 20/3/1981; nơi cư trú: Số 35 L, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

7. Anh **Huỳnh Mạnh L** sinh ngày 16/6/1982; nơi cư trú: Đường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

8. Chị **Nguyễn Thị C** sinh ngày 20/01/1993; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Xã Đ huyện Đ, tỉnh Đăk Nông; chỗ ở hiện nay: Số 17B H, phường L, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 14/4/2016, Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa kiểm tra hành Ch khu nhà Massage H ở số 03 N, phường L, thành phố NT đã phát hiện bắt quả tang hai cặp nam, nữ đang mua bán dâm. Tại phòng Vip 1 có Huỳnh Mạnh L và Nguyễn Thị T; tại phòng Vip 6 có Nguyễn Trung K và Phan Ngọc N. Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang về hành vi chứa mại dâm đối với Nguyễn Nhật V và Nguyễn Thị T là quản lý và lễ tân của cơ sở Massage H.

Quá trình điều tra đã xác định được cơ sở Massage H được thành lập vào năm 2012 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tư nhân số 4201455290 do

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp cho bà Nguyễn Thụy Giang C. Để cơ sở hoạt động, C đã thuê Nguyễn Thị T làm lễ tân có nhiệm vụ bán vé massage, thu tiền vé của khách và vào sổ theo dõi những lượt khách massage. Ngoài ra, C còn thuê Lê Trung C, Võ Minh H, Phạm Thế N làm nhân viên đón khách, quản lý tầng và trông xe; thuê Nguyễn Thị Kim H làm nhân viên nấu ăn, Võ Chí T làm nhân viên sửa điện, nước. Mức lương C trả cho nhân viên là 5.000.000 đồng/tháng; riêng Hoa được trả 3.000.000 đồng/tháng. Để các nhân viên nắm bắt được các công việc của cơ sở massage, C phân công C, H, N mỗi người trực ở tầng Vip, tầng thường và giữ xe xoay vòng theo tuần. Các nhân viên trực ở tầng Vip, tầng thường pH vào sổ theo dõi các lượt khách vào massage rồi giao lại cho C đối chiếu chéo với sổ theo dõi của T nhằm tránh thất thoát. Đối với nhân viên massage, C không trả lương mà chỉ được hưởng tiền khách cho (tiền bo). Do bận công việc gia đình, C đã giao lại cơ sở Massage H cho em trai là Nguyễn Nhật V quản lý. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, có nhiều khách đến massage đặt vấn đề mua dâm nên các nhân viên massage nói lại với T; T bàn với V và cả hai cùng thống nhất cho nhân viên massage bán dâm tại cơ sở Massage H khi khách có nhu cầu, T và V quy định trước mỗi lần bán dâm cho khách, nhân viên bán dâm phải bấm công tắc để đèn ở quầy lễ tân bật sáng. T sẽ theo dõi và thu tiền của nhân viên bán dâm 80.000 đồng/lượt; số tiền do khách mua dâm trả còn lại thì nhân viên bán dâm được hưởng. Khi tan ca, các nhân viên massage sẽ nộp lại tiền cho T, T sẽ ghi vào giấy theo dõi các lần bán dâm và số tiền thu được rồi nộp lại cho V. V đối chiếu thấy trùng khớp thì sẽ thu tiền và hủy giấy theo dõi đi. Đối với những người mua dâm là Huỳnh Mạnh L và Nguyễn Trung K là bạn bè rủ nhau đi mua dâm. Số tiền trả cho hoạt động massage và mua dâm do Huỳnh Mạnh L chi trả.

Quá trình điều tra, Nguyễn Nhật V và Nguyễn Thị T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bản thân V và T chưa có tiền án, tiền sự.

Tại bản cáo trạng số 112/CT-VKSNT ngày 02/4/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa đã truy tố các bị cáo Nguyễn Nhật V và Nguyễn Thị T về tội *"Chứa mại dâm"* theo khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đối với Nguyễn Thụy Giang C, Lê Trung C, Phạm Thế N, Võ Văn H, Nguyễn Thị Kim H và Võ Chí T, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố NT đang tiếp tục điều tra làm rõ, nếu đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa giữ nguyên nội dung cáo trạng nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Nhật V *(N)* và Nguyễn Thị T; đề nghị xử phạt mỗi bị cáo với mức án từ 01 *(một)* năm đến 02 *(hai)* năm tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 02 *(hai)* năm đến 04 *(bốn)* năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về việc áp dụng hình phạt bổ sung: Theo các Đơn xin cứu xét đề ngày 20/8/2018 của các bị cáo Nguyễn Nhật V và Nguyễn Thị T (có xác nhận của chính quyền địa phương), các bị cáo Nguyễn Nhật V và Nguyễn Thị T đều trình bày có hoàn

cảnh khó khăn, có công việc không ổn định, là lao động chính trong gia đình và có trách nhiệm chăm sóc mẹ già, nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Nguyễn Thụy Giang C, chị Phan Thị Yến Ly, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Thiên T, chị Nguyễn Thị Thu T, chị Nguyễn Thị C, chị Nguyễn Thị B, chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị Huyền T, chị Phan Ngọc N, anh Lê Trung C và Công ty cổ phần du lịch thương mại NT vắng mặt tại phiên tòa, nên đề nghị Hội đồng xét xử tách ra để giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tuyên tịch thu và tiêu hủy 01 (một) túi nhựa màu xanh, bên trong có 07 (bảy) bao cao su các loại chưa qua sử dụng được gói trong các tờ giấy báo; 01 (một) hộp giấy hiệu Dr Iaso, bên trong có 09 (C) bao cao su các loại chưa qua sử dụng; 03 (ba) hộp bao cao su hiệu Sure còn nguyên, mỗi hộp có 24 (hai mươi bốn) hộp nhỏ, mỗi hộp nhỏ có 03 (ba) bao cao su chưa qua sử dụng; 01 (một) hộp bao cao su hiệu Sure, bên trong có 23 (hai mươi ba) hộp nhỏ, mỗi hộp nhỏ có 03 (ba) bao cao su chưa qua sử dụng; nhiều vỏ hộp bao cao su đã qua sử dụng; tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 1.600.000 đồng *(một triệu sáu trăm ngàn đồng)*; trả lại cho bà Nguyễn Thụy Giang C số tiền 2.421.000 đồng *(hai triệu bốn trăm hai mươi mốt ngàn đồng*; trả lại cho anh Lê Trung C 01 (một) CMND mang tên Lê Trung C; trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 230 màu trắng (không kiểm tra chất lượng bên trong); lưu vào hồ sơ vụ án: 01 (một) tập học sinh 200 trang hiệu H Tiến, ô ly dọc (không kiểm tra chất lượng); 01 (một) tờ giấy khổ A4 có in 4 ô ly chia hàng ngang 16 cột, hàng dọc 30 cột) (không kiểm tra chất lượng); 01 (một) cuốn sổ màu đen hiệu Achilles, bên trong có ghi chép bằng mực màu đỏ; 01 (một) cuốn sổ tay màu đen có kích thước 0,9 x 1,4cm; 01 (một) tờ giấy ghi tên các nhân viên massage; 07 (bảy) bì thư niêm phong, có chữ ký xác nhận của Nguyễn Thụy Giang C đánh số thứ tự: bì thư số "02", "03", "04", "05", "06", "07", "08" *(Số vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố NT và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố NT lập ngày 23/01/2018 và giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số CT: 0007827 ngày 13/12/2016 giữa Công an thành phố NT và Kho bạc nhà nước thành phố NT).*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Nguyễn Thụy Giang C, chị Phan Thị Yến L, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Thiên T, chị Nguyễn Thị Thu T, chị Nguyễn Thị C, chị Nguyễn Thị B, chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị Huyền T, chị Phan Ngọc N, anh Lê Trung

C và Công ty cổ phần du lịch thương mại NT; những người làm chứng là anh Phạm Thế N, anh Võ Minh H, anh Võ Chí T, anh Lý Sơn T, bà Nguyễn Thị Kim H, anh Nguyễn Trung K, anh Huỳnh Mạnh L và chị Nguyễn Thị C được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; xét thấy sự vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người làm chứng trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án; căn cứ Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Nhật V và Nguyễn Thị T khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi mà các bị cáo đã thực hiện như nội dung cáo trạng nêu trên. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng vụ án bị thu giữ; phù hợp với lời khai của những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người làm chứng có trong hồ sơ vụ án; cũng như phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; đã thể hiện: Khoảng 20 giờ ngày 14/4/2016, tại khu nhà Massage H ở số 03 N, phường L, thành phố NT, Công an tỉnh Khánh Hòa đã bắt quả tang Nguyễn Nhật V và Nguyễn Thị T đang tổ chức cho 02 cặp mua bán dâm tại các phòng Vip 1 và Vip 6 để thu L bất Ch; cụ thể tại phòng Vip 1 có cặp Huỳnh Mạnh L và Nguyễn Thị T; phòng Vip 6 có cặp Nguyễn Trung K và Phạm Ngọc N. Đối với những người mua dâm là Huỳnh Mạnh L và Nguyễn Trung K là bạn bè rủ nhau đi mua dâm. Số tiền trả cho hoạt động massage và mua dâm do Huỳnh Mạnh L chi trả; do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa truy tố các bị cáo Nguyễn Nhật V và Nguyễn Thị T về tội *"Chứa mại dâm"* theo khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

So sánh khoản 1 Điều 254 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định hình phạt nhẹ hơn so với khoản 1 Điều 254 của Bộ luật Hình sự năm 1999; do đó, căn cứ khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, Hội đồng xét xử xét xử các bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa đã truy tố.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Nhật V và Nguyễn Thị T là nghiêm trọng; trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, truyền thống đạo đức cũng như thuần phong mỹ tục của dân tộc; là nguyên nhân làm lây truyền các loại virus gây bệnh nguy hiểm cho xã hội và góp phần làm gia tăng tệ nạn xã hội; do đó, cần phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo để đảm bảo tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Xét tính chất, mức độ, vai trò và nhân thân của từng bị cáo trong vụ án thì thấy rằng:

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn; bị cáo Nguyễn Nhật V là người khởi xướng và cùng với Nguyễn Thị T thực hiện hành vi chứa mại dâm nhằm thu lợi bất chính.

Do đó, cần thiết phải xác định một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của từng bị cáo mới có đủ tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt; theo các Đơn xin cứu xét đề ngày 20/8/2018 của các bị cáo Nguyễn Nhật V và Nguyễn Thị T (có xác nhận của chính quyền địa phương), các bị cáo Nguyễn Nhật V và Nguyễn Thị T đều trình bày có hoàn cảnh khó khăn, có công việc không ổn định, là lao động chính trong gia đình và có trách nhiệm chăm sóc mẹ già; do đó, cũng cần xem xét cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo, sớm trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò và nhân thân của các bị cáo; xét thấy các bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và có nhân thân tốt; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó, có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015; nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội để cho các bị cáo có cơ hội phấn đấu, học tập và tự rèn luyện bản thân, cũng đảm bảo tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] *Về việc áp dụng hình phạt bổ sung:* Theo các Đơn xin cứu xét đề ngày 20/8/2018 của các bị cáo Nguyễn Nhật V và Nguyễn Thị T (có xác nhận của chính quyền địa phương), các bị cáo Nguyễn Nhật V và Nguyễn Thị T đều trình bày có hoàn cảnh khó khăn, có công việc không ổn định, là lao động chính trong gia đình và có trách nhiệm chăm sóc mẹ già, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] *Về trách nhiệm dân sự:* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Nguyễn Thụy Giang C, chị Phan Thị Yến L, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Thiên T, chị Nguyễn Thị Thu T, chị Nguyễn Thị C, chị Nguyễn Thị B, chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị Huyền T, chị Phan Ngọc N, anh Lê Trung C và Công ty cổ phần du lịch thương mại NT vắng mặt tại phiên tòa, không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét, nên tách ra để giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

[5] *Về vật chứng vụ án:* Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố NT và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố NT lập ngày 23/01/2018 và giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số CT: 0007827

ngày 13/12/2016 giữa Công an thành phố NT và Kho bạc nhà nước thành phố NT, vật chứng vụ án gồm có:

+ 01 (một) túi nhựa màu xanh, bên trong có 07 (bảy) bao cao su các loại chưa qua sử dụng được gói trong các tờ giấy báo; 01 (một) hộp giấy hiệu Dr Iaso, bên trong có 09 (C) bao cao su các loại chưa qua sử dụng; 03 (ba) hộp bao cao su hiệu Sure còn nguyên, mỗi hộp có 24 (hai mươi bốn) hộp nhỏ, mỗi hộp nhỏ có 03 (ba) bao cao su chưa qua sử dụng; 01 (một) hộp bao cao su hiệu Sure, bên trong có 23 (hai mươi ba) hộp nhỏ, mỗi hộp nhỏ có 03 (ba) bao cao su chưa qua sử dụng; nhiều vỏ hộp bao cao su đã qua sử dụng; xét thấy đây là vật chứng không có giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

+ 01 (một) tập học sinh 200 trang hiệu H Tiến, ô ly dọc (không kiểm tra chất lượng); 01 (một) tờ giấy khổ A4 có in 4 ô ly chia hàng ngang 16 cột, hàng dọc 30 cột) (không kiểm tra chất lượng); 01 (một) cuốn sổ màu đen hiệu Achilles, bên trong có ghi chép bằng mực màu đỏ; 01 (một) cuốn sổ tay màu đen có kích thước 0,9 x 1,4cm; 01 (một) tờ giấy ghi tên các nhân viên massage; 07 (bảy) bì thư niêm phong, có chữ ký xác nhận của Nguyễn Thụy Giang C đánh số thứ tự: bì thư số "02", "03", "04", "05", "06", "07", "08"; xét thấy đây là các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án, nên cần lưu vào hồ sơ vụ án.

+ Số tiền 1.600.000 đồng *(một triệu sáu trăm ngàn đồng)* (trong tổng số tiền đã thu giữ là 4.021.000 đồng *(bốn triệu không trăm hai mươi mốt ngàn đồng*); xét thấy đây là số tiền thu được từ hoạt động mua bán dâm, do phạm tội mà có, nên tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

+ Số tiền 2.421.000 đồng *(hai triệu bốn trăm hai mươi mốt ngàn đồng)* (trong tổng số tiền đã thu giữ là 4.021.000 đồng *(bốn triệu không trăm hai mươi mốt ngàn đồng)* là số tiền thu được từ hoạt động kinh doanh hợp pháp của cơ sở Massage H thuộc Doang nghiệp tư nhân N do bà Nguyễn Thụy Giang C là chủ doang nghiệp; xét thấy số tiền này không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, nên trả lại cho bà Nguyễn Thụy Giang C.

+ 01 (một) CMND mang tên Lê Trung C thu giữ của anh Lê Trung C; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 230 màu trắng (không kiểm tra chất lượng bên trong) thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị T; xét thấy đây là giấy tờ, tài sản riêng của anh Lê Trung C và bị cáo Nguyễn Thị T, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, nên trả lại cho anh Lê Trung C và bị cáo Nguyễn Thị T.

[6] *Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Nhật V và Nguyễn Thị T phạm tội *"Chứa mại dâm"*.

- Căn cứ khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Nhật V,

Xử phạt **Nguyễn Nhật V** ***(N)*** 01 *(một)* năm 06 *(sáu)* tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 03 *(ba)* năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16/01/2019).

Giao bị cáo Nguyễn Nhật V *(N)* cho Ủy ban nhân dân phường L, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách; trong thời gian thử thách, bị cáo Nguyễn Nhật V *(N)* cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Nguyễn Nhật V *(Na)* pH chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; trong trường hợp bị cáo Nguyễn Nhật V *(Na)* thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thị T,

Xử phạt **Nguyễn Thị T** 01 *(một)* năm tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 02 *(hai)* năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16/01/2019).

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân phường V, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách; trong thời gian thử thách, bị cáo Nguyễn Thị T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; trong trường hợp bị cáo Nguyễn Thị T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

**** Về trách nhiệm dân sự:*** Tách ra để giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác khi những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Nguyễn Thụy Giang C, chị Phan Thị Yến Ly, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Thiên T, chị Nguyễn Thị Thu T, chị Nguyễn Thị C, chị Nguyễn Thị B, chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị Huyền T, chị Phan Ngọc N, anh Lê Trung C và Công ty cổ phần du lịch T mại NT có đơn yêu cầu.

**** Về vật chứng vụ án*****:** Căn cứ Điều 89; điểm a, b, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

+ Tịch thu và tiêu hủy 01 (một) túi nhựa màu xanh, bên trong có 07 (bảy) bao cao su các loại chưa qua sử dụng được gói trong các tờ giấy báo; 01 (một) hộp giấy hiệu Dr Iaso, bên trong có 09 (C) bao cao su các loại chưa qua sử dụng; 03 (ba) hộp bao cao su hiệu Sure còn nguyên, mỗi hộp có 24 (hai mươi bốn) hộp nhỏ, mỗi hộp nhỏ có 03 (ba) bao cao su chưa qua sử dụng; 01 (một) hộp bao cao su hiệu Sure, bên trong có 23 (hai mươi ba) hộp nhỏ, mỗi hộp nhỏ có 03 (ba) bao cao su chưa qua sử dụng; nhiều vỏ hộp bao cao su đã qua sử dụng.

+ Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 1.600.000 đồng *(một triệu sáu trăm ngàn đồng)*.

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thụy Giang C số tiền 2.421.000 đồng *(hai triệu bốn trăm hai mươi mốt ngàn đồng)*.

+ Trả lại cho anh Lê Trung C 01 (một) CMND mang tên Lê Trung C.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 230 màu trắng (không kiểm tra chất lượng bên trong).

+ Lưu vào hồ sơ vụ án: 01 (một) tập học sinh 200 trang hiệu H Tiến, ô ly dọc (không kiểm tra chất lượng); 01 (một) tờ giấy khổ A4 có in 4 ô ly chia hàng ngang 16 cột, hàng dọc 30 cột) (không kiểm tra chất lượng); 01 (một) cuốn sổ màu đen hiệu Achilles, bên trong có ghi chép bằng mực màu đỏ; 01 (một) cuốn sổ tay màu đen có kích thước 0,9 x 1,4cm; 01 (một) tờ giấy ghi tên các nhân viên massage; 07 (bảy) bì thư niêm phong, có chữ ký xác nhận của Nguyễn Thụy Giang C đánh số thứ tự: bì thư số "02", "03", "04", "05", "06", "07", "08".

(Số vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố NT và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố NT lập ngày 23/01/2018 và giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số CT: 0007827 ngày 13/12/2016 giữa Công an thành phố NT và Kho bạc nhà nước thành phố NT).

**** Về án phí*:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc các bị cáo Nguyễn Nhật V *(N)* và Nguyễn Thị T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng *(hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

**** Về quyền kháng cáo***: Bị cáo có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố NT;
- Công an thành phố NT;
- Bị cáo; Những người tham gia tố tụng khác;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố NT;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đoàn Tuấn Anh